

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ**Ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật
của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam***Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;**Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;**Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.***Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**Điều 2.** Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 73/2005/QĐ-BNN ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân cần kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật) để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Lê Quốc Doanh**

DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG KIỂM DỊCH THỰC VẬT CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2014/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Nhóm I: Những sinh vật gây hại có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật, chưa có trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
A. Côn trùng		
1	Sâu thép	<i>Agriotes lineatus</i> Linnaeus
2	Ruồi đục quả Nam Mỹ	<i>Anastrepha fraterculus</i> (Wiedemann)
3	Ruồi đục quả Mê-hi-cô	<i>Anastrepha ludens</i> (Loew)
4	Ruồi đục quả Tây Ấn	<i>Anastrepha obliqua</i> (Macquart)
5	Ruồi đục quả hồng xiêm	<i>Anastrepha serpentina</i> (Wiedemann)
6	Ruồi đục quả ổi	<i>Anastrepha striata</i> Schiner
7	Bọ đầu dài hại bông	<i>Anthonomus grandis</i> Boheman
8	Ruồi đục quả sọc trắng	<i>Bactrocera albistrigata</i> (de Meijere)
9	Ruồi đục quả bầu bí	<i>Bactrocera depressa</i> Shiraki
10	Ruồi đục quả Queensland	<i>Bactrocera tryoni</i> (Froggatt)
11	Ruồi đục quả Nhật Bản	<i>Bactrocera tsuneonis</i> (Miyake)
12	Bọ trĩ hại đậu	<i>Caliothrips fasciatus</i> (Pergande)
13	Ngài đục quả đào	<i>Carposina sasakii</i> Matsumura
14	Mọt lạc serratus	<i>Caryedon serratus</i> Olivier
15	Mọt to vôi	<i>Caulophilus oryzae</i> (Gyllenhal)
16	Ruồi đục quả Địa Trung Hải	<i>Ceratitis capitata</i> (Wiedemann)
17	Ruồi đục quả xoài	<i>Ceratitis cosyra</i> Karsch
18	Ruồi đục quả Rhodesia	<i>Ceratitis quinaria</i> (Bezzi)
19	Ruồi đục quả Natal	<i>Ceratitis rosa</i> Karsch
20	Vòi voi đục quả mận	<i>Conotrachelus nenuphar</i> (Herbst)
21	Ngài hại sồi dẻ	<i>Cydia latiferreana</i> Walsingham
22	Ngài đục quả óc chó	<i>Cydia pomonella</i> Linnaeus
23	Rệp sáp vảy San Jose'	<i>Diaspidiotus perniciosus</i> (Comstock) Danzig
24	Bọ cánh cứng hại rễ bầu bí	<i>Diabrotica speciosa</i> Germar
25	Ruồi giấm cánh dóm	<i>Drosophila suzukii</i> Matsumura

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
26	Ngài táo	<i>Epiphyas postvittana</i> Walker
27	Ruồi hại củ hành	<i>Eumerus strigatus</i> (Fallén)
28	Bọ đầu dài viền trắng	<i>Graphognathus leucoloma</i> (Boheman)
29	Ngài đục quả mận	<i>Grapholita funebrana</i> Treitschke
30	Ngài hại quả phượng Đông	<i>Grapholita molesta</i> Busck
31	Ngài hại quả anh đào	<i>Grapholita packardii</i> Zeller
32	Ngài hại mận	<i>Grapholita prunivora</i> Walsh
33	Bọ hung đen Châu Phi	<i>Heteronychus arator</i> (Fabricius)
34	Ngài trắng Mỹ	<i>Hyphantria cunea</i> Drury
35	Bọ Colorado hại khoai tây	<i>Leptinotarsa decemlineata</i> Say
36	Rệp sáp vảy đen Ross	<i>Lindingaspis rossi</i> (Maskell)
37	Sâu róm rừng	<i>Malacosoma parallela</i> Staudinger
38	Ngài cải bắp	<i>Mamestra brassicae</i> Linnaeus
39	Ruồi phorid hại nấm	<i>Megaselia halterata</i> (Wood)
40	Bọ hung viền trắng	<i>Melolontha melolontha</i> Linnaeus
41	Bọ đầu dài hại mía Tây Ấn	<i>Metamasius hemipterus</i> (Linnaeus)
42	Muỗi nân hại nấm	<i>Mycophila speyeri</i> Barnes
43	Mọt lạc pallidus	<i>Pachymerus pallidus</i> Olivier
44	Vòi voi hại nhỏ	<i>Phlyctinus callosus</i> (Schoenherr)
45	Sâu cuốn lá ẩn tạp	<i>Platynota stultana</i> Walsingham
46	Bọ hung Nhật Bản	<i>Popillia japonica</i> Newman
47	Mọt đục hạt lớn	<i>Prostephanus truncatus</i> (Horn)
48	Ruồi đục quả táo	<i>Rhagoletis pomonella</i> Walsh
49	Vòi voi hại đào	<i>Rhynchites heros</i> Roelofs
50	Bọ trĩ cam Nam Phi	<i>Scirtothrips aurantii</i> Faure
51	Rệp sáp vảy đỏ Tây Ấn	<i>Selenaspidus articulatus</i> (Morgan)
52	Sâu đục thân mía cretica	<i>Sesamia cretica</i> Lederve
53	Mọt thóc	<i>Sitophilus granarius</i> (Linnaeus)
54	Vòi voi đục hạt xoài	<i>Sternochetus mangiferae</i> (Fabricius)
55	Sâu đục thân cà chua	<i>Symmetrischema tangolias</i> Gye
56	Ngài hại quả	<i>Thaumatotibia leucotreta</i> Meyrick
57	Mọt cứng đốt	<i>Trogoderma granarium</i> Everts
58	Mọt da vệt thận	<i>Trogoderma inclusum</i> LeConte
59	Mọt da ăn tạp	<i>Trogoderma variabile</i> Ballion
60	Mọt đậu Mê-hi-cô	<i>Zabrotes subfaciatus</i> (Boheman)

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
B. Nhện		
61	Nhện đỏ Chi-lê	<i>Brevipalpus chilensis</i> Baker
62	Nhện xanh hại sắn	<i>Mononychellus tanajoa</i> Bondar
63	Nhện nhỏ Thái Bình Dương	<i>Tetranychus pacificus</i> McGregor
C. Nấm		
64	Bệnh cây hương lúa	<i>Balansia oryzae - sativae</i> Hashioka
65	Bệnh thối khô củ khoai tây	<i>Boeremia foveata</i> (Foister) Aveskamp, Gruyter & Verkley
66	Bệnh nấm cựa gà cao lương	<i>Claviceps africana</i> Frederickson, Mantle & De Milliano
67	Bệnh thối trắng hoa trà	<i>Ciborinia camelliae</i> Kohn
68	Bệnh thối loét cây dẻ	<i>Cryphonectria parasitica</i> (Murrill) Barr
69	Bệnh thối đen quả nho	<i>Guignardia bidwellii</i> (Ellis) Viala & Ravaz
70	Bệnh cháy lá cao su Nam Mỹ	<i>Microcyclus ulei</i> (Henn.) Arx
71	Bệnh đốm lá cà phê Châu Mỹ	<i>Mycena citricolor</i> (Berk. & Curtis) Sacc.
72	Bệnh khô cành cam quýt	<i>Phoma tracheiphila</i> (Petri) Kantachveli & Gikachvili
73	Bệnh thối rễ bông	<i>Phymatotrichopsis omnivora</i> (Duggar) Hennebert
74	Bệnh thối quả bông	<i>Phytophthora boehmeriae</i> Sawada
75	Bệnh đốm củ khoai tây	<i>Polyscytalum pustulans</i> (M.N. Owen & Makef) M.B. Ellis
76	Bệnh rỉ sắt bạch đàn	<i>Puccinia psidii</i> G. Winter
77	Bệnh ung thư khoai tây	<i>Synchytrium endobioticum</i> (Schilb.) Percival
78	Bệnh than đen lúa mì	<i>Tilletia indica</i> Mitra
79	Bệnh chết héo bông	<i>Verticillium albo-atrum</i> Reinke & Berthold
D. Vi khuẩn		
80	Bệnh vi khuẩn thối loét quả cà chua	<i>Clavibacter michiganensis</i> subsp. <i>michiganensis</i> (Smith) Davis
81	Bệnh vi khuẩn héo rũ ngô	<i>Pantoea stewartii</i> (Smith) Mergaert
82	Bệnh vi khuẩn đốm lá cà phê	<i>Pseudomonas syringae</i> pv. <i>garcae</i> Young et al.
83	Bệnh vi khuẩn rụng lá nho	<i>Xylella fastidiosa</i> Wells et al.

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
Đ. Virus, Viroid		
84	Bệnh virus khảm lá cỏ linh lăng	<i>Alfalfa mosaic virus</i>
85	Bệnh virus đốm hình nhẫn cà phê	<i>Coffee ringspot virus</i>
86	Bệnh virus đốm tròn quả mận	<i>Plum pox virus</i>
87	Bệnh viroid củ khoai tây hình thoi	<i>Potato spindle tuber viroid</i>
E. Tuyến trùng		
88	Tuyến trùng hại hoa cúc	<i>Aphelenchoides ritzemabosi</i> (Schwartz) Steiner & Buhrer
89	Tuyến trùng gây héo thông	<i>Bursaphelenchus xylophilus</i> (Steiner & Buhrer) Nickle
90	Tuyến trùng tiêm đọt sắn lúa	<i>Ditylenchus angustus</i> (Butler) Filipjev
91	Tuyến trùng gây thối củ	<i>Ditylenchus destructor</i> Thorne
92	Tuyến trùng bào nang khoai tây	<i>Globodera pallida</i> (Stone) Behrens
93	Tuyến trùng bào nang ánh vàng khoai tây	<i>Globodera rostochiensis</i> (Wollenweber) Behrens
94	Tuyến trùng nốt sần rễ chitwoodi	<i>Meloidogyne chitwoodi</i> Golden, O'Bannon, Santo & Finley
95	Tuyến trùng nốt sần rễ ethiopica	<i>Meloidogyne ethiopica</i> Whitehead
96	Tuyến trùng nốt sần rễ fallax	<i>Meloidogyne fallax</i> Karssen
97	Tuyến trùng nốt sần rễ hapla	<i>Meloidogyne hapla</i> Chitwood
98	Tuyến trùng giả nốt sần	<i>Nacobbus aberrans</i> (Thorne) Thorne & Allen
99	Tuyến trùng đục thân, củ	<i>Radopholus similis</i> (Cobb) Thorne
100	Tuyến trùng thối thân, rễ cọ dầu, dừa	<i>Rhadinaphelenchus cocophilus</i> (Cobb) Goodey
G. Cỏ dại		
101	Cây kế đồng	<i>Cirsium arvense</i> (L.) Scop.
102	Cỏ chổi Ai Cập	<i>Orobanche aegyptiaca</i> Pers.
103	Cỏ chổi hoa sò	<i>Orobanche crenata</i> Forssk.
104	Cỏ chổi hoa rù	<i>Orobanche cernua</i> Loefl.
105	Cỏ chổi ramosa	<i>Orobanche ramosa</i> L.
106	Cỏ ma ký sinh densiflora	<i>Striga densiflora</i> (Benth.) Benth.
107	Cỏ ma ký sinh hermonthica	<i>Striga hermonthica</i> (Del.) Benth.

Nhóm II: Những sinh vật gây hại có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật, phân bố hẹp trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
A. Côn trùng		
108	Ngài củ khoai tây	<i>Phthorimaea operculella</i> Zeller
B. Virus		
109	Bệnh virus sọc lá lạch	<i>Peanut stripe virus</i>
C. Tuyến trùng		
110	Tuyến trùng thân	<i>Ditylenchus dipsaci</i> (Kuhn) Filipjev
D. Cỏ dại		
111	Tơ hồng Nam	<i>Cuscuta australis</i> R. Br.
112	Tơ hồng Trung Quốc	<i>Cuscuta chinensis</i> Lam.
113	Cỏ ma ký sinh angustifolia	<i>Striga angustifolia</i> (D. Don) C. J. Saldanha
114	Cỏ ma ký sinh asiatica	<i>Striga asiatica</i> (L.) Kuntze